

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN NHI HẢI PHÒNG

Số: 547 /BVNHP-KD

V/v đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung
cấp báo giá hóa chất xét nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Nhi Hải Phòng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng
giá mua sắm hóa chất xét nghiệm sử dụng tại Bệnh viện:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Hải Phòng

Địa chỉ: Phố Việt Đức, phường Kiến An, thành phố Hải Phòng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DSCKI. Nguyễn Thị Kim Thanh – Phụ trách khoa Dược, SĐT: 0914.450.483,
Email: cungungvthcbvte@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Công văn báo giá gửi về khoa Dược - Bệnh viện Nhi Hải Phòng, địa chỉ: phố Việt
Đức, phường Kiến An, thành phố Hải Phòng đồng thời gửi qua email:
cungungvthcbvte@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ thời điểm đăng tải Yêu cầu báo giá trên Hệ thống
mạng đấu thầu Quốc gia đến trước 16h30 ngày 26 tháng 12 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 15 tháng 12
năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá tại Phụ lục 1 đính kèm công văn này.

2. Địa điểm giao hàng: khoa Dược – Bệnh viện Nhi Hải Phòng.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: theo đơn dự trừ của chủ đầu tư.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: không tạm ứng.

- Tiến độ thanh toán: Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu 100% giá trị hợp đồng
hoặc theo giá trị khối lượng hoàn thành hàng tháng trong vòng 90 ngày kể từ khi nhận
được đầy đủ chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật.



5. Các thông tin khác:

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam báo giá theo mẫu tại Phụ lục 2 đính kèm công văn này.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KD.

**Q. GIÁM ĐỐC****BSCKII. Trần Minh Cảnh**

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BẢO GIÁ
(Kèm theo Thư mời bảo giá số 54-T/BVNHP-KD ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Bệnh viện Nhi Hải Phòng)

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
I. Phần 1. Hóa chất xét nghiệm sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá cobas c 503				
1	Thuốc thử xét nghiệm GOT/AST	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng aspartate aminotransferase (AST) có hoạt hóa pyridoxal phosphate trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần tối thiểu có: L-Aspartate, 2-oxoglutarate Hộp ≥ 800 test	Hộp	25
2	Thuốc thử xét nghiệm GPT/ALT	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng alanine aminotransferase (ALT) có hoạt hóa pyridoxal phosphate trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần tối thiểu có: L-alanine, 2-oxoglutarate Hộp ≥ 800 test	Hộp	25
3	Thuốc thử xét nghiệm Albumin	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng albumin trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần tối thiểu có: Đệm Citrate, xanh bromcresol Hộp ≥ 750 test	Hộp	12
4	Thuốc thử xét nghiệm Alkaline Phosphatase	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng phosphatase kiềm trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần tối thiểu có: magnesium acetate, kẽm sulfate, p-nitrophenyl phosphate Hộp ≥ 750 test	Hộp	2
5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng amylase	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng α-amylase trong huyết thanh, huyết tương người Thành phần tối thiểu có: ethylidene-G7-PNP, α-glucosidase Hộp ≥ 750 test	Hộp	4
6	Thuốc thử xét nghiệm amylase tụy	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng α-amylase tuyến tụy trong huyết thanh, huyết tương người Thành phần tối thiểu có: ethylidene-G7-PNP, α-glucosidase, kháng thể đơn dòng (chuột) Hộp ≥ 750 test	Hộp	12
7	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng bilirubin toàn phần trong huyết thanh và huyết tương của người lớn và trẻ sơ sinh. Thành phần tối thiểu có: 3,5-dichlorophenyl diazonium, Phosphate Hộp ≥ 1050 test	Hộp	3
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp Thành phần tối thiểu có: Acid phosphoric; 3,5-Dichlorophenyl diazonium Hộp ≥ 1000 test	Hộp	3
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Ca	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng canxi trong huyết thanh, huyết tương Thành phần tối thiểu có: NM-BAPTA, pH kiềm Hộp ≥ 1500 test	Hộp	3
10	Thuốc thử xét nghiệm CK	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng creatine kinase (CK) trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần tối thiểu có: Creatine phosphate, ADP, glucose, NADP+, G6PDH Hộp ≥ 500 test	Hộp	8
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ creatinine	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng nồng độ creatinine trong huyết thanh, huyết tương Thành phần tối thiểu có: creatinase, creatininase, sarcosine oxidase, peroxidase Hộp ≥ 600 test	Hộp	60

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
12	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng glucose trong huyết thanh, huyết tương Thành phần tối thiểu có: ATP, NADP, hexokinase, G-6-PDH Hộp ≥ 3300 test	Hộp	6
13	Thuốc thử xét nghiệm Fe (Sắt)	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng sắt trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần tối thiểu có: Acid citric, Natri ascorbate, FerroZine Hộp ≥ 700 test	Hộp	30
14	Thuốc thử xét nghiệm định lượng lactate	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng lactate Thành phần tối thiểu có: lactate oxidase, chất cho hydro, 4-Aminoantipyrine, Peroxidase Hộp ≥ 100 test	Hộp	2
15	Thuốc thử xét nghiệm lactacderhydrogenlase	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng lactate dehydrogenase trong huyết thanh và huyết tương Thành phần tối thiểu có: lithium lactate, NAD Hộp ≥ 850 test	Hộp	1
16	Thuốc thử xét nghiệm Lipase	Xét nghiệm in vitro enzyme dùng để định lượng lipase Thành phần tối thiểu có: 1,2-O-dilauryl-rac-glycero-3-glutaric acid-(6-methylresorufin) ester, Đệm BICIN Hộp ≥ 200 test	Hộp	37
17	Thuốc thử xét nghiệm Mg (Magnesi)	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng magnesium trong huyết thanh, huyết tương Thành phần tối thiểu: Xanh xylydyl, Đệm TRIS Hộp ≥ 690 test	Hộp	8
18	Thuốc thử xét nghiệm định lượng phospho	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng phospho trong huyết thanh, huyết tương Thành phần tối thiểu: Acid sulfuric, Ammonium molybdate Hộp ≥ 750 test	Hộp	2
19	Thuốc thử xét nghiệm định lượng protein toàn phần	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng protein toàn phần trong huyết thanh Thành phần tối thiểu: đồng sulfate, natri hydroxide, kali natri tartrate Hộp ≥ 1050 test	Hộp	10
20	Thuốc thử xét nghiệm Ure	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng urê/nitơ urê trong huyết thanh, huyết tương Thành phần tối thiểu: urease, 2-oxoglutarate, GLDH, NADH, NaCl Hộp ≥ 600 test	Hộp	30
21	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol	Xét nghiệm chẩn đoán in vitro dùng để định lượng nồng độ HDL-cholesterol trong huyết thanh và huyết tương Thành phần tối thiểu: polyanion, cholesterol esterase, cholesterol oxidase, peroxidase Hộp ≥ 700 test	Hộp	1
22	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol	Mẫu chuẩn đồng khô lấy từ huyết thanh người dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol. Hộp ≥ (3 x 1 mL)	Hộp	2
23	Thuốc thử xét nghiệm IgA	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng IgA trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần tối thiểu: Kháng thể kháng IgA người, polyethylene glycol Hộp ≥ 300 test	Hộp	5

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
24	Thuốc thử xét nghiệm IgM	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng IgM trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần tối thiểu: Kháng thể kháng IgM người, polyethylene glycol Hộp ≥ 300 test	Hộp	4
25	Thuốc thử xét nghiệm IgG	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng IgG trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần tối thiểu: Kháng thể kháng IgG người, polyethylene glycol Hộp ≥ 300 test	Hộp	4
26	Thuốc thử xét nghiệm Transferrin	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng transferrin trong huyết thanh, huyết tương Thành phần tối thiểu: Kháng thể kháng transferrin người, polyethylene glycol Hộp ≥ 500 test	Hộp	3
27	Thuốc thử xét nghiệm C3	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng Bỏ thể C3c trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần tối thiểu: Kháng thể kháng C3c người, polyethylene glycol Hộp ≥ 150 test	Hộp	10
28	Thuốc thử xét nghiệm C4	Xét nghiệm dùng để định lượng in vitro C4 người trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần tối thiểu: Kháng thể kháng C4 người, polyethylene glycol Hộp ≥ 150 test	Hộp	10
29	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP	Xét nghiệm đo độ đục miễn dịch dùng để định lượng in vitro CRP trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần tối thiểu: Đệm TRIS với albumin huyết thanh bò, Hạt latex phủ kháng thể kháng CRP (chuột) trong đệm glycine Hộp ≥ 500 test	Hộp	50
30	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng ferritin trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần tối thiểu: Đệm TRIS, Hỗn hợp nước chứa các hạt latex phủ kháng thể kháng ferritin người Hộp ≥ 400 test	Hộp	15
31	Thuốc thử xét nghiệm định lượng protein trong nước tiểu và dịch não tủy người	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng protein trong nước tiểu và dịch não tủy người Thành phần: Natri hydroxide; EDTA-Na; Benzethonium chloride Hộp ≥ 650 test	Hộp	3
32	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Protein, Albumin	Mẫu chứng dạng lỏng ở dạng sẵn sàng để sử dụng trong dung dịch đệm nước. Nồng độ điều chỉnh của các thành phần mẫu chứng thường ở mức bình thường hay ở ngưỡng bình thường/bệnh lý. Hộp ≥ (4 x 3 mL)	Hộp	2
33	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Protein, Albumin	Mẫu chứng dạng lỏng ở dạng sẵn sàng để sử dụng trong dung dịch đệm nước. Nồng độ điều chỉnh của các thành phần mẫu chứng thường ở ngưỡng bệnh lý. Hộp ≥ (4 x 3 mL)	Hộp	2
34	Thuốc thử xét nghiệm ammonia	Xét nghiệm enzym in vitro dùng để định lượng ammonia trong huyết tương Thành phần tối thiểu: GLDH, 2-oxoglutarate, NADPH Hộp ≥ 300 test	Hộp	1

HC
TÊN
I
ÔNG
C

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
35	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO2	Mẫu chứng dạng lỏng ở dạng sẵn sàng để sử dụng trong dung dịch đệm nước. Nồng độ điều chỉnh của các thành phần mẫu chứng thường ở mức bình thường hay ở ngưỡng bình thường/bệnh lý. Hộp $\geq (5 \times 4 \text{ mL})$	Hộp	2
36	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO2	Mẫu chứng dạng lỏng ở dạng sẵn sàng để sử dụng trong dung dịch đệm nước. Nồng độ điều chỉnh của các thành phần mẫu chứng thường ở ngưỡng bệnh lý. Hộp $\geq (5 \times 4 \text{ mL})$	Hộp	2
37	Thuốc thử xét nghiệm HbA1c	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng nồng độ mmol/mol hemoglobin A1c và % hemoglobin A1c trong máu toàn phần Thành phần tối thiểu: Kháng thể đơn dòng HbA1c, polyhapten Hộp $\geq 200 \text{ test}$	Hộp	1
38	Thuốc thử ly giải xét nghiệm HbA1c	Thuốc thử ly huyết được sử dụng như chất pha loãng cho xét nghiệm HbA1c Thành phần tối thiểu: TTAB (Tetradecyltrimethylammonium bromide) Hộp $\geq 50 \text{ mL}$	Hộp	1
39	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Vancomycin	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng vancomycin trong huyết thanh và huyết tương Thành phần tối thiểu: Kháng thể kháng vancomycin, đệm PIPES Hộp $\geq 200 \text{ test}$	Hộp	2
40	Thuốc thử xét nghiệm định lượng sản phẩm giáng hóa fibrin (D-Dimer và X-oligomer)	Xét nghiệm in vitro dùng để định lượng bằng phương pháp miễn dịch sản phẩm giáng hóa fibrin (D-Dimer và X-oligomer) trong huyết tương người Thành phần tối thiểu: Đệm TRIS/HCl, Hạt latex phủ kháng thể đơn dòng kháng D-Dimer người Hộp $\geq 100 \text{ test}$	Hộp	2
41	Chất nội kiểm xét nghiệm D-Dimer	Dung dịch chuẩn ở dạng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người. Nồng độ điều chỉnh của các thành phần mẫu chứng ở khoảng nồng độ thấp cho Control I và ở khoảng nồng độ cao cho Control II. Hộp $\geq (2 \times 1 \text{ mL}) + (2 \times 1 \text{ mL})$	Hộp	2
42	Thuốc thử NaCl	Chất pha loãng mẫu kết hợp với các thuốc thử xét nghiệm Thành phần tối thiểu: NaCl 9 % Hộp $\geq 123 \text{ mL}$	Hộp	6
43	Dung dịch rửa bazơ	Dung dịch rửa kiểm cho công phản ứng và kim hút mẫu Thành phần tối thiểu: NaOH 1 mol/L Hộp $\geq (2 \times 2000 \text{ mL})$	Hộp	56
44	Dung dịch rửa tế bào đặc biệt	Dung dịch rửa công phản ứng Thành phần tối thiểu: NaOH, natri hypochlorite Hộp $\geq 50 \text{ mL}$	Hộp	5
45	Dung dịch rửa buồng ủ sinh hóa	Chất phụ gia thêm vào buồng phản ứng để làm giảm sức căng bề mặt Hộp $\geq 40 \text{ mL}$	Hộp	60
46	Dung dịch rửa kim hút thuốc thử	Dung dịch rửa kim hút thuốc thử và công phản ứng Thành phần tối thiểu: NaOH 1 mol/L Hộp $\geq 123 \text{ mL}$	Hộp	90
47	Hộp dung dịch rửa kim hút thuốc thử	Dung dịch rửa kim hút thuốc thử và công phản ứng Thành phần tối thiểu: HCl 200 mmol/L Hộp $\geq 123 \text{ mL}$	Hộp	5
48	Dung dịch rửa acid	Dung dịch rửa acid cho công phản ứng Thành phần tối thiểu: Acid citric monohydrate Hộp $\geq (2 \times 2000 \text{ mL})$	Hộp	8

PHỤ LỤC 2: MẪU THÔNG TIN CHÀO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số 547 /BVNHP-KD ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Bệnh viện Nhi Hải Phòng)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật
1									
2									
...									
Tổng số: khoản									

HẢI PHÒNG